

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
TP. CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

* * *

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05/02/2021

V/v tranh chấp: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trung Hiếu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Gốc**

2. Bà **Thái Ánh Trinh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đinh Tuấn Anh** – là Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ.

Đã Đại diện Viên kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Xa** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp “*Ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phan Thị P** – sinh năm: 1974 (*có mặt*)

Địa chỉ: khu vực A, phường B, quận C, Tp. Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Lê Văn N** – sinh năm: 1973 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: khu vực D, phường E, quận C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn bà Phan Thị P trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông N trước đây do tự quen biết và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1991, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thuận Hưng ngày 24/7/2014. Vợ chồng chung sống đến năm 2010 thì ly thân cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không phù hợp, ông N thường xuyên ăn nhậu say xỉn, không chăm lo cho gia đình. Thời gian ly thân đã hơn 10 năm,

cả hai bên không có biện pháp gắn tình cảm. Nay xét thấy hôn nhân không có hạnh phúc nên bà P xin được ly hôn với ông N.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Phan Văn N1 – sinh năm 1992 và Phan Văn Liên T – sinh năm 1998. Các con đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Văn N: Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông N không đến Tòa để giải quyết, qua xác minh thực tế tại địa phương và biên bản ghi lời khai ông Lê Văn Th (anh ruột ông N) cho biết: ông N đã đi sang đảo Phú Quốc – tỉnh Kiên Giang từ tháng 04/2020 đến nay, không rõ địa chỉ cụ thể, khi đi không có trình báo cho chính quyền địa phương biết.

Do ông N vắng mặt trong các lần hòa giải nên Tòa án tiến hành lập biên bản về việc không hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn bà P vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày. Bị đơn ông N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đúng theo quy định pháp luật. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà Phan Thị P được ly hôn với ông Lê Văn N.

Về con chung: Các con đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt vấn đề giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về việc “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét việc bị đơn ông Lê Văn N đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 4 năm 2020 đến nay, theo hướng dẫn tại Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, trường hợp này nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, ông N thay đổi nơi cư trú mà không có thông báo cho bà P và

chính quyền địa phương biết về nơi cư trú mới cho nên Tòa án vẫn tiếp tục thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, do ông N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, căn cứ theo Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông N do tự quen biết và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, theo bà P cho rằng tính tình vợ chồng không phù hợp, bất đồng quan điểm, ông N thường xuyên ăn nhậu, không chăm lo cho gia đình dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, thời gian ly thân đã lâu nhưng giữa bà P và ông N không tìm được biện pháp hàn gắn, bà P xác định không còn tình cảm nên nộp đơn xin ly hôn, cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà P được ly hôn với ông N là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà P xác định có 02 con chung tên Phan Văn N1 – sinh năm 1992 và Phan Văn Liên T – sinh năm 1998, do các con đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P xác định không có.

Do Tòa án không trực tiếp ghi nhận được ý kiến của ông N về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung cho nên nếu sau này ông N có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[6] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà P phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 56 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014;
- Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu cho bà Phan Thị P được ly hôn với ông Lê Văn N.

Về con chung: có 02 con chung tên Phan Văn N1 – sinh năm 1992 và Phan Văn Liên T – sinh năm 1998. Các con đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị P phải nộp số tiền 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/012507 ngày 22/10/2020 (công nhận đã nộp xong).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND P. Thuận Hưng;
- VKSND Q. Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN TRUNG HIẾU